

**CÔNG TY TNHH TM DV THÀNH CHUNG V.T**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV THÀNH CHUNG V.T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502393254

**3. Ngày thành lập:** 16/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 23, Khu phố Thị Vải, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,  
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4661        |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663        |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán đồ dùng nội thất; Mua bán văn phòng phẩm;<br>Mua bán đồ dùng bảo hộ lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649(Chính) |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường | 4659        |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653        |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4931        |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Cho thuê xe để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5210        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5221        |
| 15. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5224        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5229        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5225        |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 20. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0810        |
| 21. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6492        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: : NGUYỄN VĂN CHUÔNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/06/1979 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034079008011

Ngày cấp: 03/10/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 23, Khu phố Thị vải, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 23, Khu phố Thị vải, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: : NGUYỄN VĂN CHUÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/06/1979 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034079008011

Ngày cấp: 03/10/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 23, Khu phố Thị vải, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 23, Khu phố Thị vải, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu